

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST

Ngày 12/4/2019

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Nam Thị và bà Hoàng Thị Hòa.

- Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệp là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST - KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST - KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST - KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST - KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (tên viết tắt VietcomBank) - Chi nhánh tỉnh K; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng VietcomBank; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng VietcomBank - Chi nhánh K; địa chỉ: 348 Trần Hưng Đ, phường Q, thành phố K, tỉnh K; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc M – Chức vụ: Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng giao dịch huyện N, văn bản ủy quyền số: 22 ngày 22/8/2018; địa chỉ: số 957 H, thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Từ Thị N; sinh năm: 1981; Chứng minh nhân dân số: 230837182; ngày cấp 09/4/2007; nơi cấp: Công an tỉnh G; địa chỉ nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh K trình bày:

Ngày 08/9/2017 bà Từ Thị N ký hợp đồng tín dụng số 480/17/CT/NHNT.NH với Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh K – Phòng giao dịch huyện N, vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Kinh doanh hàng nông sản; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn; Ngày giải ngân: 11/9/2017; Ngày đến hạn: 12/8/2018; Lãi suất cho vay: 9,9%/năm; Lãi suất quá hạn: 12,87%/năm.

Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên B không trả nợ đúng hạn gốc hoặc lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất quá hạn số tiền thực tế quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay, bà Từ Thị N đã thế chấp tài sản là: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 07, diện tích 600 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC866690 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 05/10/2006, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất bà Từ Thị N.

Tính đến ngày 12/4/2019, tổng dư nợ của bà Từ Thị N là 115.593.179 đồng; trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 13.615.891 đồng; Lãi phạt là 1.977.288 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và có văn bản yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng 480/17/CT/NHNT.NH ngày 08/9/2017, yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08/9/NHNT ngày 08/9/2017 ký kết giữa bà N với Ngân hàng. Tuy nhiên, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ.

Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bên vay vốn là bà Từ Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay với tổng số tiền tính đến ngày 12/4/2019 là 115.593.179 đồng; trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 13.615.891 đồng; Lãi phạt là 1.977.288 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 480/17/CT/NHNT.NH ngày 08/9/2017.

Nếu bà Từ Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có

quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Từ Thị N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Từ Thị N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, nội dung tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng VietcomBank – Chi nhánh K, buộc bà Từ Thị N phải trả cho Ngân hàng VietcomBank tổng số tiền tính đến ngày 12/4/2019, tổng dư nợ của bà Từ Thị N là 115.593.179 đồng; trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 13.615.891 đồng; Lãi phạt là 1.977.288 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ và các khoản chi phí tố tụng khác. Nếu bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Từ Thị N vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án tiến hành niêm yết công khai, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà Từ Thị N.

Quá trình giải quyết vụ án bà Từ Thị N vắng mặt, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Ngân hàng VietcomBank – Chi nhánh K, khởi kiện bà Từ Thị N yêu cầu trả khoản vay còn nợ. Căn cứ Điều 6 và Điều 10 của hợp đồng tín dụng, khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên B không trả nợ đúng hạn gốc và lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên cho vay sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng

tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng. Khi đến hạn mà khách hàng không trả nợ, thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay theo sự thỏa thuận trong hợp đồng để thu hồi nợ. Do bà Từ Thị N vi phạm cam kết trả nợ. Căn cứ Điều 35 và Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ việc Tranh chấp giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, vì vậy quan hệ pháp luật có tranh chấp được xác định theo quy định tại Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Xét hợp đồng tín dụng (hợp đồng chính): Theo hồ sơ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ngày 08/9/2017 bà Từ Thị N và Ngân hàng VietcomBank – Chi nhánh K – Phòng giao dịch huyện N ký hợp đồng tín dụng số 480/17/CT/NHNT.NH vay số tiền 100.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Kinh doanh hàng nông sản; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn; Ngày giải ngân: 11/9/2017; Ngày đến hạn: 12/8/2018; Lãi suất cho vay: 9,9%/năm; Lãi suất quá hạn: 12,87%/năm. Hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng được lập giữa bà Từ Thị N và Ngân hàng VietcomBank – Chi nhánh K – Phòng giao dịch huyện N là có thật và hợp pháp.

- Xét hợp đồng thế chấp tài sản (hợp đồng phụ): Tài sản thế chấp là Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 07, diện tích 600 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC866690 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 05/10/2006, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất bà Từ Thị N, thế chấp tại hợp đồng số: 08/9/NHNT ngày 08/9/2017. Để đảm bảo khoản vay 100.000.000 đồng, bà N đã đồng ý thế chấp tài sản nêu trên và đã được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện được chủ sở hữu tài sản đồng ý thế chấp, đăng ký thế chấp và công chứng đúng quy định, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, căn cứ Điều 320, 323 của Bộ luật dân sự, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản nói trên giữa các bên là hợp pháp.

Về số tiền vay: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 480/17/CT/NHNT.NH ngày 08/9/2017, bà Từ Thị N nhận nợ với Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, Lãi suất cho vay: 9,9%/năm; Lãi suất quá hạn: 12,87%/năm; Thời hạn cho vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn; Ngày giải ngân: 11/9/2017; Ngày đến hạn: 12/8/2018, do bà Nguyễn vi phạm cam kết trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/4/2019, số dư nợ còn lại quá hạn của hợp đồng là 115.593.179 đồng; trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 13.615.891 đồng; Lãi phạt là

1.977.288 đồng. Số tiền vay này bà N đảm bảo tài sản thế chấp là Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 07, diện tích 600 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC866690 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 05/10/2006, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất bà Từ Thị N, do bà N vi phạm hợp đồng, nên phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/4/2019 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự

Về xử lý tài sản thế chấp: Bà Từ Thị N đã đồng ý thế chấp tài sản là Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 07, diện tích 600 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC866690 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 05/10/2006, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất bà Từ Thị N, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/9/NHNT ngày 08/9/2017 và được công chứng, đăng ký thế chấp đúng quy định. Do đó, bà Từ Thị N không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả tổng số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 12/4/2019 là 115.593.179 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi là 13.615.891 đồng; Lãi phạt là 1.977.288 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 30, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu bà N không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 4.690.000 đồng; trong đó: Tiền Đăng tin trên báo, đài là 2.850.000 đồng; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.840.000 đồng. Do Ngân hàng đã nộp toàn bộ chi phí nêu trên, nên buộc bị đơn bà Từ Thị N trả lại cho Ngân hàng toàn bộ khoản chi phí mà Ngân hàng đã nộp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 144, 147, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 320, 323; 463; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh K.

Buộc bà Từ Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh K tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 12/4/2019 là 115.593.179 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi là 13.615.891 đồng; Lãi phạt là 1.977.288 đồng.

Kể từ ngày 13/4/2019 bà Từ Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Trường hợp bà Từ Thị N không trả khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh K thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 07, diện tích 600 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC866690 do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 05/10/2006 cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất bà Từ Thị N để thu hồi nợ.

3. Về các khoản chi phí tố tụng: Buộc bà Từ Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh K, tổng số tiền chi phí tố tụng là 4.690.000 đồng; Trong đó: Tiền đăng báo, đài là 2.850.000 đồng; Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.840.000 đồng.

4. Về án phí: Bà Từ Thị N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 5.779.658 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.684.000đ (Hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/000134 ngày 04/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/4/2019.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Khen